

Bản án số: 09/2022/HS-ST

Ngày: 28/02/2022

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Nguyên Tùng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Chùm và ông Nguyễn Ngọc Uyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Ân – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2022/TLST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2022; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 02 năm 2022 đối với bị cáo:

Phạm Duy A, sinh ngày: 11/01/1985; tại tỉnh Phú Thọ. Nơi cư trú: Khu 17, xã HX, huyện TT, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Duy V, sinh năm 1962 (đã chết) và Bùi Thị H, sinh năm 1964; có vợ Nguyễn Thị Thu G, sinh năm 1993 (đã ly hôn) và có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; tạm giam ngày 28/5/2021; có mặt.

- Người bào chữa của bị cáo Phạm Duy A: Ông Ngô Minh Tùng – Luật sư, Văn phòng Luật sư Số 1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Văn T, sinh năm 1992. Nơi cư trú: xã YT, huyện YĐ, tỉnh TH; vắng mặt.

2. Lê Văn L, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Xã YT, huyện YĐ, tỉnh TH; vắng mặt.

3. Nguyễn ThA H, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Thôn VT, xã XC, huyện ĐA, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

4. Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam - VIB; địa chỉ: Tòa nhà Corner Stone, Số 16 PCT, phường PCT, quận HK, thành phố Hà Nội.

Do bà Trần Thị H; chức vụ: Giám đốc Trung tâm quản lý nợ , ủy quyền cho ông Nguyễn ThA Đ, sinh năm 1990; nơi cư trú: Tầng 6, Tòa nhà Paxky, số 26 U, phường 25, quận B, thành phố Hồ Chí Minh ; chức vụ: Cán bộ xử lý nợ làm đại diện; văn bản ủy quyền số: 027363.21 ngày 08/12/2021; vắng mặt.

5. LJS (Lý Gia T), sinh ngày 06/01/2002. Nơi cư trú : Số 99, thôn KS, thị trấn CP, huyện tự trị dân tộc Dao PX, tỉnh QT, Trung Quốc; vắng mặt.

6. LC (Lý T), sinh ngày 02/8/2002. Nơi cư trú : Số 27, thôn L, thị trấn CP, huyện tự trị dân tộc Dao PX, tỉnh QT, Trung Quốc; vắng mặt.

7. KDM (Không Đức M), sinh 21/01/2001. Nơi cư trú : Minake, khu A, N, Trung Quốc; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 01/2021, Phạm Duy A mua xe ô tô biển số 19A-347.79 sử dụng chạy dịch vụ, A dùng số điện thoại 0969455191 đăng ảnh xe trên mạng xã hội, để tìm kiếm khách hàng. Cuối tháng 4/2021, thông qua mạng xã hội A quen với đối tượng tên P (không xác định được họ, địa chỉ cụ thể), P nói cho A biết việc đang tổ chức cho người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam để qua Campuchia làm việc, các đối tượng khác có nhiệm vụ đưa người Trung Quốc qua biên giới, còn P có nhiệm vụ đưa người Trung Quốc từ thành phố Hà Nội vào thành phố Hồ Chí Minh. A và P thỏa thuận khi có người Trung Quốc nhập cảnh trái phép P sẽ thuê A chở, mỗi chuyến 27.000.000 đồng, đưa trước 10.000.000 đồng để chi phí ăn, uống, chở thành công sẽ đưa thêm 17.000.000 đồng. Từ ngày 02/5/2021 đến ngày 06/5/2021, A được P thuê chở 02 lần, gồm 11 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 02/5/2021, P thuê A chở 05 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép từ thành phố Hà Nội vào thành phố Hồ Chí Minh. Để tránh bị phát hiện, P bảo A mua sim rác gửi số cho P để liên lạc. Sáng ngày 02/5/2021, có người (không xác định được họ, tên, địa chỉ) gọi điện bảo A đến gần cầu ĐT, huyện GL, thành phố Hà Nội nhận khách. Khi đến nơi, A nhận 05 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép từ người điều khiển xe ô tô (không xác định rõ lai lịch), A chụp hình 05 người Trung Quốc gửi cho P để xác nhận rồi chở vào thành phố Hồ Chí Minh.

Khoảng 15 giờ ngày 03/5/202, có người (không xác định được họ, tên, địa chỉ) gọi điện bảo A chở 05 người Trung Quốc đến gần hầm Thủ Thiêm, thành phố Hồ Chí Minh, đến nơi A giao 05 người Trung Quốc cho người điều khiển xe taxi (không xác định được lai lịch), rồi điện thoại nói cho P biết.

Lần thứ hai: Sáng ngày 06/5/2021, Phạm Duy A được P thuê chở 06 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép từ thành phố Hà Nội vào tỉnh TH rồi chuyển qua xe khác 03 người, còn A chở 03 người vào thành phố Hồ Chí Minh, A đồng ý. A mua sim rác gửi số cho P để liên lạc. Khoảng 12 giờ cùng ngày, A nhận được điện thoại từ số 0987866*** bảo đến khu vực huyện ĐA, thành phố Hà Nội nhận khách. Khi đến nơi, A nhận 06 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép, A chụp hình 06 người Trung Quốc gửi cho P để xác nhận rồi chở đến tỉnh TH.

Nguyễn Văn T chạy xe dịch vụ. Sáng ngày 06/5/2021, có người (không xác định lai lịch) gọi điện thuê chở 03 khách từ tỉnh TH vào thành phố Hồ Chí Minh giá 27.000.000 đồng, trả trước 17.000.000 đồng còn lại 10.000.000 đồng đến nơi sẽ trả đủ, T đồng ý, thì người này gửi cho T số thoại của A để liên lạc; T rủ Lê Văn L cùng chở. Sau đó, T gọi điện cho A thỏa thuận nơi đưa, nhận khách tại BigC TH. Khi A chở 06 người Trung Quốc đến điểm hẹn thì T chưa đến nên gọi điện bảo T chạy xe theo, L điều khiển xe biển số 36A-610.46 chở T chạy theo đến tỉnh Nghệ An gặp A nhận 03 người Trung Quốc. A tiếp tục chở 03 người Trung Quốc còn lại là LC, KDM và LJS vào thành phố Hồ Chí Minh, trên đường đi đến khu vực đèo N, thị xã SC, tỉnh Phú Yên bị lực lượng chức năng kiểm tra, phát hiện. Còn L, T chở 03 người Trung Quốc vào thành phố Hồ Chí Minh thì có người (không xác định được lai lịch) gọi điện bảo chở đến khu vực đường cao tốc LT – DG, đến nơi T, L giao 03 người Trung Quốc cho người điều khiển xe taxi (không xác định được lai lịch).

Tại bản Cáo trạng số: 03/CT-VKS-P1 ngày 12/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên truy tố bị cáo Phạm Duy A về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” theo Điểm a, Khoản 3 Điều 348 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Duy A khai, chuyên đầu tiên bị cáo chở 05 người Trung Quốc, khi vào đến thành phố Hồ Chí Minh mới biết họ nhập cảnh trái phép vào Việt Nam; còn chuyên thứ hai thì bị cáo biết rõ 06 người Trung Quốc mà bị cáo chở họ đều nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, nhưng vì ham tiền nên bị cáo vẫn thực hiện.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản Cáo trạng. Sau khi phân tích hành vi phạm tội

và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Phạm Duy A phạm tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”.

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng Điểm a, Khoản 3 Điều 348; Điểm s, Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm g, Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; phạt: Bị cáo Phạm Duy A từ 08 đến 09 năm tù.

Miễn hình phạt bổ sung, nhưng buộc bị cáo Phạm Duy A nộp lại 26.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính để sung quỹ Nhà nước, bị cáo đã nộp 19.396.885 đồng, nên còn phải nộp 6.603.000 đồng.

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu trắng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8Plus; 02 điện thoại di động hiệu Vivo; 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu hồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đỏ.

- Tịch thu tiêu hủy: 02 sim điện thoại và các thẻ sim trong các điện thoại trên.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Duy A : 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS Max, gắn 01 thẻ sim; 06 thẻ ATM; 01 giấy phép lái xe số 250115005515 hạng E; 01 Chứng minh nhân dân tên Phạm Duy A.

- Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án, số tiền 19.396.885 đồng của bị cáo Phạm Duy A.

- Giao xe ô tô biển kiểm soát 19A-347.79, kèm theo 01 thiết bị giám sát hành trình gắn 01 thẻ nhớ 16G; 01 giấy chứng nhận kiểm định số KD 5413431; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc xe 19A-347.79 số 00073650 là tài sản bảo đảm mà bị cáo Phạm Duy A thế chấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam – VIB xử lý thu hồi nợ.

Người bào chữa của bị cáo cho rằng, chỉ có căn cứ quy kết bị cáo tổ chức cho 03 người nhập cảnh trái phép vào ngày 06/5/2021, còn 03 người trong đợt này khi vào đến Nghệ An thì sang xe, 05 người bị cáo chở vào ngày 02/5/2021 thì chỉ có lời khai duy nhất của bị cáo, không lấy được lời khai của họ, bị cáo không buộc phải biết họ nhập cảnh trái phép, nên đề nghị Tòa xét xử bị cáo ở Khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự.

Trong phần đối đáp, Kiểm sát viên không nhất trí với lời đề nghị của Người bào chữa cho bị cáo, giữ nguyên quan điểm. Bị cáo nói lời sau cùng, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ đã được tra tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng; người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa, người bào chữa; bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Tại phiên tòa, tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt. Xét thấy, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt đã có lời khai tại Cơ quan điều tra, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, chấp nhận ý kiến của bị cáo và Kiểm sát viên, căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Mặc dù, tại phiên tòa bị cáo Phạm Duy A thay đổi lời khai cho rằng, bị cáo chỉ biết rõ 06 người Trung Quốc mà bị cáo chở chuyên thứ hai vào ngày 06/5/2021 là họ đều nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, còn 05 người Trung Quốc bị cáo chở chuyên đầu tiên vào ngày 02/5/2021, bị cáo chỉ biết họ nhập cảnh trái phép vào Việt Nam khi đã vào đến thành phố Hồ Chí Minh. Nhưng xét thấy lời khai của bị cáo Phạm Duy A trong suốt quá trình điều tra, bị cáo đều khai nhận cụ thể từng chi tiết việc thống nhất với đối tượng tên P (không xác định được họ, địa chỉ cụ thể) tổ chức cho người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam để qua Campuchia làm việc; cũng như lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn T, Lê Văn L, Nguyễn Thanh H; lời khai của những người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam bị bắt giữ, như: LJS, LC, KDM đã được thẩm tra tại phiên tòa; thì lời khai của bị cáo Phạm Duy A có tại hồ sơ còn giải thích rõ động cơ, mục đích phạm tội của bản thân và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; những người Trung Quốc nhập cảnh trái phép cũng giải thích được lý do biết được về tình tiết của vụ án; quá trình điều tra, việc ghi lời khai, tiến hành hỏi cung đối với bị cáo đều được Điều tra viên thông báo, giải thích và tiến hành ghi âm, ghi hình, có người bào chữa tham gia; kết quả làm việc, trích xuất hình ảnh tại Trạm thu phí Hàm đường bộ Đ C; vật chứng thu giữ, kết luận giám định, kết quả trích xuất dữ liệu điện tử từ các điện thoại di động của bị cáo; các giao dịch điện tử mà bị cáo thực hiện qua các hệ thống ngân hàng đều

đúng như lời khai mà bị cáo đã khai nhận về tình tiết của vụ án. Như vậy, lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra và các tài liệu là chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đều được Cơ quan điều tra thu thập theo đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định, hoàn toàn khách quan, có giá trị chứng minh và đảm bảo các thuộc tính của chứng cứ. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 02/5/2021 đến ngày 06/5/2021, Phạm Duy A biết người Trung Quốc nhập cảnh trái phép nhưng vì vụ lợi đã 02 lần điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 19A-347.79 chở 11 người vào sâu trong nội địa Việt Nam. Trong đó: 03 người được A chở từ thành phố Hà Nội đến tỉnh TH, 08 người được A chở từ thành phố Hà Nội đến thành phố Hồ Chí Minh, thì bị phát hiện. Do đó, bản Cáo trạng số: 03/CT-VKS-P1 ngày 12/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên truy tố bị cáo Phạm Duy A về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” theo Điểm a, Khoản 3 Điều 348 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội.

[3] Hành vi của bị cáo Phạm Duy A đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, cư trú ở Việt Nam; vụ án xảy ra trong thời gian Chính phủ đang quyết định tạm dừng việc nhập cảnh, đối với người nước ngoài và triển khai nhiều mặt công tác phòng chống lây lan dịch bệnh Covid-19, đã làm giảm hiệu quả và hiệu lực quản lý hành chính nhà nước trong lĩnh vực nhập cảnh; nhưng vì ý thức xem thường pháp luật, động cơ vụ lợi, bị cáo đã tổ chức nhiều lần, đưa nhiều người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, đi qua nhiều tỉnh, thành phố làm tăng nguy cơ lây lan, gây khó khăn cho công tác phòng chống dịch bệnh, nên cần xử phạt nghiêm. Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện nộp lại số tiền 19.396.855 đồng tiền thu lợi bất chính, có hoàn cảnh gia đình khó khăn được chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú xác nhận, có cha ruột là người có công cách mạng, nên Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s, Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm g, Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo để quyết định hình phạt là phù hợp, nên chấp nhận.

Đáng lẽ ra cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, tuy nhiên bị cáo đang có hoàn cảnh kinh tế thực sự khó khăn, bên cạnh đó bị cáo còn phải nộp lại một khoản tiền thu lợi bất chính, nên chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên, miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[4] Về biện pháp tư pháp:

[4.1] Bị cáo Phạm Duy A thu lợi bất chính số tiền 26.000.000 đồng, nên chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên áp dụng Điểm b, Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo phải nộp lại để sung quỹ Nhà nước, bị cáo đã nộp 19.396.885 đồng, còn phải tiếp tục nộp 6.603.000 đồng.

[4.2] Tiếp tục tạm giữ số tiền 19.396.885 đồng của bị cáo Phạm Duy A, đã được nộp vào tài khoản số 394909058187 của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Phú Yên mở tại Kho bạc nhà nước tỉnh Phú Yên để đảm bảo thi hành án (Các bút lục 95; 350 đến 358).

[5] Về xử lý vật chứng:

[5.1] 01 (một) xe ô tô 07 chỗ màu trắng, loại TOYOTA FORTUNER biển kiểm soát 19A-347.79; kèm theo 01 (một) thiết bị giám sát hành trình; 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định số KD 5413431 đối với phương tiện 19A-347.79, cấp ngày 07/01/2021; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc xe ô tô số 00073650, cấp ngày 31/12/2020 của bị cáo Phạm Duy A. Do bị cáo Phạm Duy A mua bằng khoản tiền vay theo Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam – VIB, đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo chưa thực hiện xong hợp đồng. Hiện tại không có khả năng tiếp tục thA toán, do đó Kiểm sát viên đề nghị hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo giao lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam – VIB để đảm bảo việc thA lý hợp đồng, là phù hợp với Khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự, nên chấp nhận.

[5.2] 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 8Plus; 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO của bị cáo Phạm Duy A; 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo màu đen của LC; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu hồng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo màu trắng của KDM; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu đỏ của LJS. Là phương tiện mà Phạm Duy A và LC, KDM, LJS dùng liên lạc để nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, nên Kiểm sát viên đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo Điểm a, Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điểm a, Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự là có căn cứ chấp nhận.

[5.3] 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone XS Max của bị cáo Phạm Duy A. Vì bị cáo còn phải nộp lại khoản tiền thu lợi bất chính và án phí hình sự sơ thẩm. Áp dụng Điểm b, Khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án; sau khi bị cáo chấp hành xong khoản thu lợi bất chính, án phí hình sự sơ thẩm, nếu còn dư sẽ được hoàn trả lại cho bị cáo.

[5.4] 01 (một) thẻ sim gắn trong điện thoại di động hiệu Iphone XS Max; 01 (một) CMND số 131201943 tên Phạm Duy A sinh ngày 11/01/1985 do Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 06/5/2017; 01 (một) giấy phép lái xe số 250 115 0055 15, hạng E tên Phạm Duy A, cấp ngày 02/4/2018; 01 (một) thẻ ATM ngân hàng Techcombank số 4221 4986 6679 7585 đứng tên Phạm Duy A; 01 (một) thẻ ngân hàng Vietcombank số 4283190366653805 đứng tên Phạm Duy A; 01 (một) thẻ ngân hàng VietCredit số 9704 6028 2000 5323 đứng tên Phạm Duy A; 01 (một) thẻ ATM ngân hàng Agribank số 9704 0509 2463 3683 đứng tên Phạm Duy A; 01 (một) thẻ ATM ngân hàng Vietinbank số 9704 1515 2474 4548 đứng tên Phạm Duy A; 01 (một) thẻ ngân hàng VP Bank số 9704 3205 5953 1464 đứng tên Phạm Duy A. Không sử dụng vào việc phạm tội, nên chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điểm a, Khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên trả cho chủ sở hữu.

[5.5] 02 (hai) sim điện thoại để rời của Phạm Duy A. Không có giá trị sử dụng, nên chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều c, Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy.

Tất cả các vật chứng có đặc điểm mô tả như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 19 tháng 01 năm 2022 giữa Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Phú Yên với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

[6] Về án phí: Bị cáo Phạm Duy A bị kết án, phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Đối tượng tên P và các đối tượng khác liên quan tổ chức cho người Trung Quốc nhập cảnh trái phép. Tài liệu có tại hồ sơ chưa đủ cơ sở để xử lý và thời hạn điều tra đã hết , nên Cơ quan An ninh điều tra tách hành vi của các đối tượng này tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ xử lý sau.

[8] Đối với Nguyễn Văn T, Lê Văn L nhận chở 03 người Trung Quốc từ ThA Hóa vào thành phố Hồ Chí Minh nhưng không biết họ nhập cảnh trái phép nên hành vi không cấu thành tội phạm. Nguyễn ThA H là người đăng ký sử dụng số điện thoại 0987866***, tuy nhiên quá trình điều tra không đủ căn cứ xác định Hiệp đã sử dụng số điện thoại này để liên lạc, thống nhất việc tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép, nên không đồng phạm với A.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Duy A phạm tội: “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”.

1. Về Hình phạt: Áp dụng Điều a, Khoản 3 Điều 348; Điều s, Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều g, Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

Phạt: Bị cáo Phạm Duy A – 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/5/2021.

2. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp khác: Áp dụng Điều a, Khoản 1, Khoản 2 Điều 47; Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều a, c, Khoản 2; Điều a, b Khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Bộc bị cáo Phạm Duy A phải nộp lại 26.000.000đ (Hai mươi sáu triệu đồng) tiền thu lợi bất chính, để sung quỹ Nhà nước, bị cáo đã nộp 19.396.885đ

(Mười chín triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm tám mươi lăm đồng), còn phải tiếp tục nộp 6.603.000đ (Sáu triệu sáu trăm lẻ ba nghìn đồng).

- Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone XS Max; số tiền 19.396.885đ (Mười chín triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm tám mươi lăm đồng) của bị cáo Phạm Duy A, đã được nộp vào tài khoản số 394909058187 của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Phú Yên mở tại Kho bạc nhà nước tỉnh Phú Yên (Các bút lục 95; 350 đến 358). Sau khi bị cáo Phạm Duy A chấp hành xong khoản thu lợi bất chính, án phí hình sự sơ thẩm, nếu còn dư sẽ được hoàn trả lại cho bị cáo.

- Giao cho Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam – VIB để đảm bảo việc thi hành án: 01 (một) xe ô tô 07 chỗ màu trắng, loại TOYOTA FORTUNER, biển kiểm soát 19A-347.79; kèm theo 01 (một) thiết bị giám sát hành trình; 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định số KD 5413431 đối với phương tiện 19A-347.79, cấp ngày 07/01/2021; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc xe ô tô số 00073650, cấp ngày 31/12/2020.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 8Plus; 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO của bị cáo Phạm Duy A; 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo màu đen của LC; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu hồng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo màu trắng của KDM; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu đỏ của LJS.

- Tuyên trả cho bị cáo Phạm Duy A: 01 (một) thẻ sim gắn trong điện thoại di động hiệu Iphone XS Max; 01 (một) CMND số 131201943 tên Phạm Duy A sinh ngày 11/01/1985 do Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 06/5/2017; 01 (một) giấy phép lái xe số 250 115 0055 15, hạng E tên Phạm Duy A, cấp ngày 02/4/2018; 01 (một) thẻ ATM ngân hàng Techcombank số 4221 4986 6679 7585 đứng tên Phạm Duy A; 01 (một) thẻ ngân hàng Vietcombank số 4283109366653805 đứng tên Phạm Duy A; 01 (một) thẻ ngân hàng VietCredit số 9704 6028 2000 5323 đứng tên Phạm Duy A; 01 (một) thẻ ATM ngân hàng Agribank số 9704 0509 2463 3683 đứng tên Phạm Duy A; 01 (một) thẻ ATM ngân hàng Vietinbank số 9704 1515 2474 4548 đứng tên Phạm Duy A; 01 (một) thẻ ngân hàng VP Bank số 9704 3205 5953 1464 đứng tên Phạm Duy A.

- Tuyên tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) sim điện thoại để rời của bị cáo Phạm Duy A.

Tất cả các vật chứng có đặc điểm mô tả như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 19 tháng 01 năm 2022 giữa Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Phú Yên với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

3. Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Phạm Duy A phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao (1);
- VKSND cấp cao (1);
- VKSND tỉnh (2);
- PV27 (1);
- PC 01 (1);
- Sở tư pháp (1);
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu AV, HS;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Nguyên Tùng